

Bản án số: 546/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 13-8-2024
V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Thạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Hồ Thị Lệ Thu
- Bà Võ Thị Hòa

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thúy Loan - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Minh Tú - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 786/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2023 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 253/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 193/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2024; giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1993

Địa chỉ: Số 1113/46/3 đường H, tổ 27A, khu phố 3, phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi cư trú: Tổ 8, ấp P, xã S, huyện X, tỉnh Đ.

2. **Bị đơn:** Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1995

Địa chỉ: Số 1113/46/3 đường H, tổ 27A, khu phố 3, phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(bà Nguyễn Thị N có mặt tại phiên tòa, ông Nguyễn Thanh T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 30/11/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà và ông Nguyễn Thanh T qua thời gian quen biết, tìm hiểu được 01 năm thì cả hai tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2016, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật (Giấy chứng nhận kết hôn số: 123 do Ủy

ban nhân dân phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/11/2016). Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 06 năm thì đến năm 2022 phát sinh mâu thuẫn do cả hai thường xuyên bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống; ông T thường hay ăn chơi lêu lổng, gây nợ, không có trách nhiệm với vợ con, bà đã nhiều lần trả nợ cho ông T. Khi mâu thuẫn xảy ra gia đình hai bên đều biết và có khuyên bảo, bà cũng đã nhiều lần khuyên bảo để giữ hạnh phúc gia đình, nhưng không kết quả, nên bà và ông T sống ly thân từ tháng 11/2023 đến nay.

Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể hàn gắn được vì cả hai không còn tình nghĩa vợ chồng. Nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc, nên bà yêu cầu được ly hôn ông Nguyễn Thanh T.

- Về con chung: Bà xác định quá trình chung sống bà và ông Nguyễn Thanh T có hai con chung tên Nguyễn Hoàng Minh T, sinh ngày 15/9/2017 và Nguyễn Ngọc Kim Tu, sinh ngày 24/11/2020, hiện bà đang trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai trẻ T và Tu cho đến khi thành niên. Bà không yêu cầu ông Nguyễn Thanh T cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị N xác định quá trình chung sống bà và ông Nguyễn Thanh T không có tài sản chung, không có nợ chung, nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Việc ly hôn của bà và ông Nguyễn Thanh T không nhằm trốn tránh bất kỳ nghĩa vụ nào.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Thanh T: Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ, niêm yết công khai thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, nhưng ông T không đến Tòa án theo giấy triệu tập và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 11/4/2024 và ngày 30/5/2024, Tòa án đã triệu tập hợp lệ, nhưng ông Nguyễn Thanh T vắng mặt không lý do, nên không tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đoàn tụ được.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày: Hiện mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, nên vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Thanh T. Về yêu cầu được nuôi hai con chung thì hiện tại hai trẻ Nguyễn Hoàng Minh T và Nguyễn Ngọc Kim Tu đang ở chung với bà bên ngoại tại Đồng Nai, hiện bà đang kinh doanh ngành ăn uống, có thu nhập ổn định hàng tháng trên 16 triệu đồng, nên bà có đủ điều kiện để nuôi con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng cho con.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 để tham gia phiên tòa, nhưng vắng mặt không lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện các thủ tục tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vì vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án mặc dù được triệu tập hợp lệ.

- Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị N là nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Thanh T tự nguyện kết hôn với nhau năm 2016, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, do vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nên bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông T. Ông Nguyễn Thanh T đang cư trú tại Quận 7, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự có mặt của đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2, nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Nguyễn Thanh T.

[3] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[3.1] Về hôn nhân, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 123 do Ủy ban nhân dân phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/11/2016 thì hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Thanh T là hôn nhân hợp pháp.

[3.2] Về yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị N, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại Bản tự khai ngày 27/02/2024, các Biên bản về việc không tiến hành hòa giải được ngày 11/4/2024, ngày 30/5/2024, bà Nguyễn Thị N đều xác định mâu thuẫn

vợ chồng rất trầm trọng do ông T thường hay ăn chơi lêu lổng, gây nợ nần, không có trách nhiệm với vợ con. Khi mâu thuẫn xảy ra gia đình hai bên đều biết và có khuyên bảo, bà cũng đã nhiều lần khuyên bảo để giữ hạnh phúc gia đình, nhưng không kết quả, hiện tình nghĩa vợ chồng không còn, không thể hàn gắn. Theo Thông báo về kết quả giải quyết, hủy bỏ đăng ký cư trú số: 000320 ngày 27/6/2024 của Công an xã S, huyện X, tỉnh Đ xác nhận bà Nguyễn Thị N, trẻ Nguyễn Hoàng Minh T và trẻ Nguyễn Ngọc Kim Tu tạm trú tại: Ấp C, xã S, huyện X, tỉnh Đ, có cơ sở xác định bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Thanh T ly thân từ tháng 11/2023 đến nay. Tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau...”. Như vậy, có cơ sở xác định hôn nhân của bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Thanh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị N là có căn cứ, được chấp nhận.

[3.3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị N xác định quá trình chung sống với ông Nguyễn Thanh T có hai con chung tên Nguyễn Hoàng Minh T, sinh ngày 15/9/2017 và Nguyễn Ngọc Kim Tu, sinh ngày 24/11/2020, hiện bà N đang trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn bà Nguyễn Thị N yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai trẻ T và Tu cho đến khi thành niên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.3.1] Về người trực tiếp nuôi con:

Xét trẻ Nguyễn Hoàng Minh T và trẻ Nguyễn Ngọc Kim Tu đều chưa đủ 7 tuổi, bà Nguyễn Thị N đang trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai trẻ từ tháng 11/2023 đến nay. Để bảo đảm được quyền lợi mọi mặt của hai trẻ, Hội đồng xét xử nghĩ nên giao hai trẻ cho bà N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là cần thiết, nên yêu cầu của bà N về việc được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai trẻ Nguyễn Hoàng Minh T và trẻ Nguyễn Ngọc Kim Tu cho đến khi thành niên là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên được chấp nhận.

[3.3.2] Về cấp dưỡng cho con: Bà Nguyễn Thị N xác định không yêu cầu ông Nguyễn Thanh T cấp dưỡng cho con. Xét đây là sự tự nguyện, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.3.3] Đối với ông Nguyễn Thanh T là người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì quyền, lợi ích của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng cho con.

Trường hợp Nguyễn Thanh T lạm dụng việc đi lại trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bà N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế

quyền trông nom con chung chưa thành niên của ông Nguyễn Thanh T, theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị N xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về phía bị đơn ông Nguyễn Thanh T vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, không có văn bản trình bày ý kiến, hoặc yêu cầu của ông về tài sản chung, nợ chung giữa ông và bà N. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết vấn đề về tài sản chung, nợ chung. Trường hợp ông T và bà N có tranh chấp về tài sản thì có thể khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị N là nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTV QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 54, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N được ly hôn ông Nguyễn Thanh T (Giấy chứng nhận kết hôn số: 123 do Ủy ban nhân dân phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/11/2016).

- Về con chung: Giao hai trẻ Nguyễn Hoàng Minh T, sinh ngày 15/9/2017 và Nguyễn Ngọc Kim Tu, sinh ngày 24/11/2020 cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị N không yêu cầu ông Nguyễn Thanh T cấp dưỡng cho con.

Ông Nguyễn Thanh T có quyền đi lại trông nom, chăm sóc, và giáo dục con chung. Vì quyền, lợi ích của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên,

Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp Nguyễn Thanh T lạm dụng việc đi lại thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bà Nguyễn Thị N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Nguyễn Thanh T.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị N xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trường hợp ông Nguyễn Thanh T có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì có thể khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2023/0037756 ngày 20/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị N đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7;
- Các đương sự;
- UBND phường P, Quận B,
TP.HCM (GCNKH số: 123
đăng ký ngày 16/11/2016);
- Lưu hồ sơ vụ án, VP (TK Thúy Loan).

Phạm Văn Thạnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA